

TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP VÀO NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI BÌNH

Lưu Ngọc Lương^{1*}, Trần Đình Thao², Nguyễn Hữu Nhuận², Nguyễn Thọ Quang Anh²

¹Cục Kinh tế Hợp tác, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

²Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: luungocluong@mpi.gov.vn

Ngày nhận bài: 19.02.2024

Ngày chấp nhận đăng: 12.04.2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thông tin của 90 doanh nghiệp, tham vấn 20 chuyên gia là những nhà quản lý và tổ chức 01 cuộc hội thảo về các chính sách, giải pháp, những khó khăn vướng mắc khi đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh và kết hợp với mô hình hồi quy với hiệu ứng ngẫu nhiên để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh. Các đề xuất giải pháp tăng cường khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình tập trung vào nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị của các cấp chính quyền; thu hút đầu tư có trọng điểm và khơi thông động lực tăng trưởng mới; hỗ trợ tích tụ và tập trung đất đai; phát triển nguồn nhân lực gắn với doanh nghiệp sử dụng lao động và tăng cường huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng.

Từ khoá: Thu hút đầu tư, nông nghiệp, Thái Bình.

Enhancing the Attraction of Enterprise Investment in Agriculture in Thai Binh Province

ABSTRACT

This study aimed to assess the current status and propose solutions to encourage enterprises to invest in agriculture in Thai Binh province. The study surveyed information from 90 enterprises, and consulted 20 experts who are managers and scientists on policies, solutions, difficulties and obstacles when investing in agriculture in Thai Binh province. The study used descriptive and comparative statistical methods and combined with a random effects regression model for panel data to analyze the factors affecting the investment capital of enterprises in agriculture in the province. Recommendations to increase business investment in agriculture in Thai Binh province focused on raising the awareness and political determination of all levels of government; attracting key investment and unlock new growth drivers; supporting land accumulation and concentration; developing human resources associated with enterprises employing labor; increasing mobilization of resources for investment in infrastructure.

Keywords: encourage enterprises, investment, Agriculture, Thai Binh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển (Nyiwul & Koirala, 2022). Theo Ableeva & cs. (2019) đóng góp của nông nghiệp vào nền kinh tế chung của thế giới khoảng 3,5 nghìn tỷ đô la Mỹ năm 2018 và tăng 73% trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2019. Cùng với đó ngành nông nghiệp cũng tạo ra 874 triệu việc làm. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và thị trường cạnh tranh gay

gắt, việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp càng trở nên quan trọng và cần thiết (Nguyễn Trần Yên Hạ, 2023). Theo Nguyễn Đình Tài & Nguyễn Văn Hương (2009), nông nghiệp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho dân số ngày càng tăng, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững kinh tế xã hội. Trong phát triển nông nghiệp, doanh nghiệp là tổ chức kinh tế quan trọng trong ứng dụng khoa học công nghệ; đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa,

nâng cao giá trị gia tăng bền vững (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Ngành nông được xác định là lợi thế quốc gia của Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê (2023), đầu tư cho ngành nông nghiệp năm 2022 chiếm 4,33% tổng vốn đầu tư toàn xã hội nhưng đóng góp tới 11,96% GDP của cả nước. Hơn nữa, với những lợi thế về công nghệ, vốn và chất lượng nhân lực, thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tỉnh Thái Bình có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp với diện tích đất lúa lớn, nguồn nước dồi dào và khí hậu ôn hòa. Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong kinh tế của tỉnh, đóng góp 25% vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và tạo việc làm cho hơn 60% lao động (Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, 2023). Việc thu hút đầu tư giúp phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương, gắn với định hướng phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh Thái Bình theo quy hoạch vừa được phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

Tuy nhiên, thực trạng đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình còn hạn chế do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Mặc dù doanh nghiệp nông nghiệp ở tỉnh đã đi đầu trong thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, tham gia các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực của tỉnh như lúa, rau và thủy sản, nhưng sự phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp còn chậm. Theo Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2023), đến năm 2023 chỉ có 135 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa. So với các tỉnh trong khu vực như Nam Định và Hưng Yên, Thái Bình đứng sau về số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Quy mô đầu tư cũng còn hạn chế với tổng vốn đầu tư vào năm 2023 chỉ đạt 2.500 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực chế biến nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp tăng cường thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu

không chỉ đóng góp về mặt thực tiễn mà còn góp phần làm giàu cơ sở lý luận về thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng tài liệu thứ cấp bao gồm các văn bản của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan quản lý nông nghiệp và đầu tư của tỉnh Thái Bình về các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Ngoài ra các số liệu thứ cấp về thực trạng đầu tư và các tác động còn được thu thập thông qua số liệu của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh Thái Bình.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát 90 doanh nghiệp bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên trên tổng số 135 doanh nghiệp đang đầu tư vào sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình nhằm phân tích thuận lợi và khó khăn khi đầu tư vào nông nghiệp trong tỉnh, dữ liệu được thu thập vào năm 2023, với số lượng trên đảm bảo mức độ tin cậy của các khẳng định thống kê (Jenkins & Quintana, 2020; Lakens, 2022); phỏng vấn sâu 17 lãnh đạo và cán bộ cấp huyện và tỉnh liên quan trong lĩnh vực nghiên cứu. Nghiên cứu cũng tổ chức một cuộc hội thảo vào tháng 12 năm 2022 tại thành phố Thái Bình với hơn 40 đại diện từ doanh nghiệp, hợp tác xã và cán bộ quản lý nhà nước có liên quan đến đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phân tích thông tin

Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp thống kê so sánh được sử dụng trong nghiên cứu để mô tả những đặc điểm cơ bản thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp, kết quả và tác động của các giải pháp khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp và phương pháp thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đánh giá các doanh nghiệp về các chính sách hỗ trợ của Thái Bình. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy hiệu

ứng ngẫu nhiên để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình, theo phương pháp của Kheng & cs. (2017) và Van Parys & James (2010) áp dụng. Mô hình sử dụng công thức có dạng như sau:

$$\ln(I_{it}) = \beta_0 + \beta_j X_{it} + \mu_{it} + \omega_{it}$$

Trong đó I_{it} là vốn đầu tư của tỉnh i năm t , X_{it} là các biến độc lập tương ứng với lao động qua đào tạo (người), diện tích đất nông nghiệp (ha), điểm của chỉ số năng lực cạnh tranh, điểm của chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh i năm t , cùng với đó là các biến tương tác giữa các biến trên với biến giả tỉnh Thái Bình μ_{it} là hiệu ứng ngẫu nhiên (random effects), ω_{it} là sai số, j là thứ tự các biến độc lập từ 1 đến 8.

Dữ liệu được tổng hợp từ Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh Thái Bình bao gồm thông tin về vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, lao động đã qua đào tạo, diện tích đất nông nghiệp, cùng các chỉ số quan trọng như chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của 11 tỉnh nằm trong đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2022. Lựa chọn các tỉnh có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng này dựa trên điều kiện tự nhiên và mức độ cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư. Phân tích cũng nhằm mục đích đánh giá tổng thể và chặt chẽ hơn về mối quan hệ kinh tế, xã hội và chính trị giữa tỉnh Thái Bình và các tỉnh láng giềng cũng như sự ảnh hưởng của các yếu tố đến thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp ở tỉnh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng đầu tư và thu hút đầu tư doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình

3.1.1. Đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp

Theo thống kê, từ năm 2008 đến năm 2022, Thái Bình có 331 doanh nghiệp đăng ký thành lập có ngành nghề kinh doanh chính trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 2,59% tổng số doanh

niệp đăng ký (Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình, 2023). Trong đó, giai đoạn 2018-2022 số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp có xu hướng tăng nhưng còn ít và không ổn định với bình quân 20 doanh nghiệp/năm. Số lượng doanh nghiệp thực sự hoạt động vẫn khiêm tốn. Kết quả điều tra doanh nghiệp của Cục Thống kê tỉnh Thái Bình cho thấy, đến năm 2022 chỉ có 135 doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh (Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, 2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình, 2023).

Giai đoạn 2008-2022, tỉnh Thái Bình đã có sự đầu tư đáng kể vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, với 105 dự án đăng ký và vốn đầu tư đạt 8.362 tỷ đồng, bình quân mỗi năm có 7 dự án đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, giai đoạn 2018-2023 chỉ tăng thêm 13 dự án, bình quân mỗi năm tăng 2,6 dự án so với năm 2018; quy mô vốn đăng ký bình quân mỗi dự án giai đoạn này ở mức khá cao, đạt 237,7 tỷ đồng/dự án (Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, 2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình, 2023).

Các dự án trên đã được triển khai tích cực và góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, tạo ra việc làm ổn định và cải thiện đời sống cho người dân địa phương. Trong lĩnh vực chăn nuôi, có nhiều dự án quy mô lớn như chăn nuôi tổng hợp tại xã Đông Á, chăn nuôi bò tại xã Hồng Minh và chăn nuôi lợn tại xã Thụy Duyên. Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, các dự án sản xuất giống thủy sản như ngao, cá biển cũng đã được đầu tư và triển khai, giúp cung cấp giống cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

Các doanh nghiệp nông nghiệp cũng tập trung chủ yếu vào chế biến sản phẩm nông nghiệp như lúa gạo, rau quả và thủy hải sản với những dự án quy mô lớn như Nhà máy Chế biến lương thực của Công ty Lam Sơn và Công ty Hưng Cúc, Nhà máy Sản xuất nước giải khát, rượu của Tập đoàn Hương Sen, và Nhà máy Chế biến bột cá Thụy Hải. Các doanh nghiệp lớn như TH, Hòa Phát... cũng đang nghiên cứu đầu tư vào các dự án mới như khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp, trồng và chế biến rau củ quả hữu cơ, và nhà máy chế biến khoai tây (Cục Thống

kê tỉnh Thái Bình, 2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình, 2023).

3.1.2. Tình hình hoạt động và kết quả thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp

Kết quả điều tra doanh nghiệp tại tỉnh Thái Bình (Cục Thống kê Thái Bình, 2023) từ năm 2018 đến 2022 cho thấy sự gia tăng đáng kể số lượng doanh nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và chế biến nông sản. Trong đó, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là 67 doanh nghiệp (tăng 2,14 lần so với bình quân giai đoạn 2011-2015); số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản là 68 doanh nghiệp (tăng 2,22 lần so với bình quân giai đoạn 2011-2015).

Nguồn vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp và chế biến nguyên liệu thực phẩm cũng tăng lên ổn định. Năm 2022, nguồn vốn của lĩnh vực nông nghiệp đạt 3.005,52 tỷ đồng, tăng 4,08 lần so với giai đoạn trước đó, trong khi nguồn vốn của lĩnh vực chế biến nông sản đạt 3.290,23 tỷ đồng, tăng 2,57 lần.

Doanh thu thuần của các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp tăng lên đạt 1.101,3 tỷ đồng năm 2022, tăng 3,6 lần so với giai đoạn trước đó, trong khi doanh thu thuần của lĩnh vực chế biến nguyên liệu thực phẩm đạt 2.742 tỷ đồng, tăng 1,32 lần. Sự tăng trưởng này không chỉ phản ánh thế mạnh của ngành nông nghiệp nói chung và chế biến nông sản nói riêng mà còn cho thấy

tiềm năng phát triển trong thời gian tới tại tỉnh (Bảng 1).

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập bình quân/lao động đã tăng lên, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến nông sản. Năm 2022, thu nhập lao động bình quân trong lĩnh vực nông nghiệp đạt 6.289 nghìn đồng/người/tháng, trong khi thu nhập trong lĩnh vực chế biến nông sản đạt 7.246 nghìn đồng/người/tháng, cao hơn 15% so với thu nhập của lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Điều này cho thấy sự phát triển bền vững và tiềm năng phát triển cũng như sự đóng góp tích cực của ngành này trong tương lai, vào nền kinh tế và cải thiện đời sống của người lao động trong khu vực.

3.2. Thực trạng giải pháp thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình

3.2.1. Các chính sách chung về thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp

Trong Luật Đầu tư đã ban hành, nông nghiệp luôn được ưu tiên và nông thôn được xem xét là địa bàn ưu tiên đầu tư. Các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp và nông thôn sẽ được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo pháp luật. Nghị định số 61/2010/NĐ-CP và các phiên bản sau này năm 2013, 2018 đã quy định riêng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã xây dựng chính sách tài chính quy mô nhỏ để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Bảng 1. Kết quả hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình

	Chỉ tiêu	ĐVT	BQ 2011-2015	2020	2021	2022
Số doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	2.370	4.459	5.145	5.359
	Tổng số doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp	Doanh nghiệp	61,8	111	129	135
Doanh thu thuần	Tất cả doanh nghiệp	Tỷ đồng	59.294,3	144.647,6	172.141,4	201.293,1
	Doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp	Tỷ đồng	2.377,2	3.663,4	3.483,2	3.843,6
Nguồn vốn	Tất cả doanh nghiệp	Tỷ đồng	56.758,3	166.220,5	173.498,5	189.790,7
	Doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp	Tỷ đồng	2.014,7	5.472,3	5.622,6	6.295,8
Thu nhập bình quân của lao động	Tất cả doanh nghiệp	Nghìn đồng/tháng	3.568,4	6.241,2	7.203,8	7.400,7
	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp	Nghìn đồng/tháng	3.292,1	5.678,6	5.998,4	6.289,6

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2023).

Bảng 2. Đánh giá của doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ của Thái Bình (năm 2023)

Các nhóm chính sách	Đánh giá của doanh nghiệp (%)				
	Rất không phù hợp	Không phù hợp	Trung bình	Phù hợp	Rất phù hợp
Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn	2,22	3,33	62,22	28,89	3,33
Chính sách đất đai	2,22	3,33	62,22	28,89	3,33
Chính sách tín dụng ưu đãi	16,67	16,67	44,44	18,89	3,33
Chính sách đào tạo nguồn nhân lực	0,00	1,11	72,22	20,00	6,67
Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư	0,00	2,22	53,33	40,00	4,44

Tỉnh Thái Bình đã ban hành các chính sách đặc thù để khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp. Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND, Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND là ví dụ điển hình. Các chính sách này hỗ trợ đa dạng từ hỗ trợ đất đai, hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại đến hỗ trợ tín dụng. Những chính sách này thể hiện rõ sự cam kết của tỉnh trong việc tạo môi trường thuận lợi khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như công nghiệp chế biến nông sản, chăn nuôi trâu bò và nuôi trồng thủy sản.

Tuy hệ thống chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển nông nghiệp, nông thôn khá nhiều nhưng chưa có chính sách riêng cho đối tượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nên không tạo sự khác biệt; mức hỗ trợ của các chính sách cũng còn thấp. Tỉnh cũng chưa có chính sách khuyến khích, thúc đẩy các hộ sản xuất kinh doanh nông nghiệp cá thể, trang trại chuyển đổi sang doanh nghiệp.

Theo kết quả điều tra, đa số doanh nghiệp đánh giá mức độ phù hợp của chính sách hỗ trợ của Thái Bình ở mức độ trung bình và khá.

3.2.2. Chính sách đất đai

Chính sách đất đai khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tại tỉnh Thái Bình tập trung vào các biện pháp như cho phép doanh nghiệp có dự án nông nghiệp được hưởng các ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tích tụ, tập trung đất đai. Các chính sách này được thể hiện qua các quy định của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và được Thái Bình cụ thể hóa

tại các Nghị quyết số: 18/2009/NQ-HĐND, 29/2021/NQ-HĐND và 08/2023/NQ-HĐND. Đến năm 2023, tỉnh Thái Bình có khoảng 2.000 tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai, với tổng diện tích hơn 8.000ha; bình quân 4,08 ha/tổ chức, cá nhân (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình, 2023). Tuy nhiên, theo kết quả điều tra, đa số doanh nghiệp vẫn cho rằng gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai, đặc biệt là giải phóng mặt bằng, thủ tục hành chính thuê, mua đất, đất đai manh mún, giá đất, thông tin chưa minh bạch...

3.2.3. Chính sách đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn

Với các cơ chế xã hội hóa phát triển hạ tầng theo nguyên tắc Nhà nước và nhân dân cùng làm, hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình phát triển nhanh và hoàn thiện sớm hơn so với các địa phương khác. Thái Bình là 1 trong 3 tỉnh đầu tiên trong cả nước hoàn thành xây dựng nông thôn mới cấp xã và cấp huyện, trong đó các tiêu chí về hạ tầng đều đạt ở mức cao. Hạ tầng giao thông, nước sạch, thủy lợi, điện, viễn thông đều khá toàn diện và thuận lợi, đáp ứng được nhu cầu và tiết kiệm chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Theo kết quả điều tra, 91% doanh nghiệp đánh giá mức độ phù hợp của chính sách phát triển hạ tầng ở mức trung bình và khá.

3.2.4. Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng hỗ trợ nông nghiệp và nông thôn tại Thái Bình, dù đã được triển khai thông qua các quy định cụ thể như Nghị định số 41/2010/NĐ-CP và Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 116/2018/NĐ-CP) vẫn tồn tại một số điểm yếu. Cụ thể, mặc dù có các chính sách hỗ trợ lãi suất song việc áp dụng

và tiếp cận vốn ngân hàng vẫn gặp khó khăn do thủ tục phức tạp và yêu cầu thế chấp tài sản cao của các ngân hàng. Các chính sách cấp bù lãi suất từ ngân sách nhà nước cũng khó triển khai do khả năng cân đối ngân sách địa phương khó khăn, đồng thời, không đảm bảo rằng vốn vay được sử dụng hiệu quả và đúng mục đích, gây lãng phí và không đạt được hiệu quả kinh tế mong đợi. Do đó, cần có sự cải thiện về mặt quản lý và giám sát để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của các chính sách tín dụng này. Theo kết quả điều tra, 33,33% doanh nghiệp đánh giá chính sách tín dụng ưu đãi của tỉnh ở mức rất không phù hợp và không phù hợp (mức không hài lòng cao nhất).

3.2.5. Chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Tại tỉnh Thái Bình, chính sách khuyến khích hợp tác và liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được thể hiện rõ qua các biện pháp cụ thể. Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Theo đó, các chính sách bổ sung như hỗ trợ chi phí bao bì, tem, nhãn mác sản phẩm và chứng nhận VietGAP, VietGAHP đã được áp dụng. Thêm vào đó, Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 đã phê duyệt Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, bao gồm ngành trồng trọt như lúa gạo, khoai tây, ngô, và ngành chăn nuôi như lợn thịt, gà thịt.

Tuy nhiên, việc triển khai chính sách liên kết còn khó khăn do doanh nghiệp, hợp tác xã có tâm lý ngần ngại đăng ký dự án liên kết do quy trình, thủ tục hỗ trợ còn phức tạp; chưa có hệ thống pháp lý hoặc quy định cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia liên kết với người dân; thị trường tiêu thụ nông sản chưa ổn định (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình, 2023).

3.2.6. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực

Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách nhằm hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn như tại Quyết định số

1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009. Ngoài ra, các chính sách khác như chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến nông (Nghị định số 02/2010/NĐ-CP, 83/2018/NĐ-CP); Nghị định số 61/2015/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp (Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg, số 63/2015/QĐ-TTg) cũng có nội dung hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực. Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND, Thái Bình nhằm hỗ trợ kinh phí cho nhà đầu tư đào tạo lao động địa phương, chi phí quảng cáo cho việc tuyển chọn lao động. Mặc dù vậy, trong giai đoạn 2016-2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đã đào tạo nghề cho khoảng 173.600 người, tạo việc làm mới cho khoảng 165.750 lao động. Đây là một minh chứng cho sự thành công của các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giúp cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực và giảm tỷ lệ thất nghiệp từ 2,7% năm 2016 xuống còn 1,5% năm 2020. Tuy nhiên, so với kỳ vọng của doanh nghiệp, mức độ phù hợp của chính sách còn ở mức thấp với 72,22% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình.

3.2.7. Giải pháp cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư

Chính phủ đã tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư để thu hút doanh nghiệp, qua việc phát hiện và xử lý các “điểm nghẽn” về thể chế, cũng như giải quyết khó khăn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh thông qua các Nghị quyết số 19/NQ-CP hàng năm từ 2014-2018 và Nghị quyết số 02 hàng năm từ 2019. Tỉnh Thái Bình đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU và Quyết định số 1316/QĐ-UBND năm 2016 về cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và môi trường đầu tư kinh doanh. Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, tỉnh đã ban hành khoảng 500 văn bản để chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Tỉnh cũng đã rà soát và đơn giản hóa 1.174 lượt thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng có đánh giá tích cực về mức độ phù hợp của các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh: 53,33% đánh giá mức độ trung bình, 44,44% đánh giá phù hợp và rất phù hợp.

Bảng 3. Khó khăn của doanh nghiệp nông nghiệp trong tiếp cận đất đai, mặt bằng
(năm 2023)

Khó khăn của Doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai, mặt bằng	Số doanh nghiệp gặp phải (n = 90)	Tỷ lệ (%)
Đất đai manh mún, khó xây dựng vùng nguyên liệu	65	72,22
Quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp	48	53,33
Thiếu quỹ đất sạch	72	80,00
Giải phóng mặt bằng chậm	81	90,00
Thủ tục hành chính thuế, mua đất đai phức tạp	80	88,89
Giá đất theo quy định của Nhà nước cao	56	62,22
Giá đất theo quy định của Nhà nước tăng quá nhanh	48	53,33
Việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng	53	58,89

Nhìn chung, môi trường đầu tư của Thái Bình đã có chuyển dịch tích cực nhưng chưa có điểm nổi trội so với các tỉnh trong khu vực. Tuy thứ hạng của tỉnh trên bảng xếp hạng PCI cả nước năm 2022 đã tăng nhưng vẫn chưa thể lọt vào top 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước. Một số chỉ số thành phần đang có thứ hạng khá thấp so với cả nước: tiếp cận đất đai 57/63 tỉnh, thành phố; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp 46/63; cạnh tranh bình đẳng 38/63; chi phí không chính thức 44/63 (VCCI, 2023). Các hoạt động xúc tiến đầu tư chưa được tập trung triển khai quyết liệt, công tác hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế, nhất là các lĩnh vực có định hướng ưu tiên; thiếu các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung để hỗ trợ khởi nghiệp cho các lĩnh vực thế mạnh như chế biến nông sản theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2.8. Huy động nguồn lực, bố trí kinh phí thực hiện chính sách

Với nỗ lực hỗ trợ thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, tỉnh Thái Bình đã cân đối ngân sách hỗ trợ cho các địa phương cùng với ngân sách Trung ương. Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn giai đoạn 2009-2020 với khoảng 20.365 tỷ đồng. Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Thái Bình đã thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích và thu hút đầu tư, hỗ trợ cho doanh nghiệp với tổng kinh phí khoảng 600,47 tỷ đồng. Tính riêng nguồn vốn sự nghiệp, giai đoạn 2017-2022, tỉnh bố trí bình quân 40.306 triệu

đồng/năm để thực hiện chính sách; tuy nhiên số vốn giải ngân được bình quân chỉ đạt 67,5%/năm; đặc biệt trong năm 2022, mức giải ngân chỉ đạt 6,3% so với dự toán được giao.

Tỉnh cũng thực hiện các chính sách ưu đãi như miễn tiền thuê đất của Nhà nước, miễn giảm thuế, giãn thuế theo quy định chung của Trung ương. Ngành Ngân hàng Thái Bình trong giai đoạn này đã hỗ trợ vốn cho hàng ngàn doanh nghiệp thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và đến cuối năm 2020, dư nợ vay đạt 23.951 tỷ đồng, chiếm 36,7% tổng dư nợ cho vay trên địa bàn.

3.3. Yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình

Như đã trình bày ở trên, chúng tôi sử dụng Mô hình hồi quy hiệu ứng ngẫu nhiên (Random Effects Regression Model for Panel Data) để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Kết quả (Bảng 4) cho thấy chỉ số PCI (biến Interact_PCI_TB) có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thu hút vốn của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp của tỉnh Thái Bình. Điều này là phù hợp với nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thị Cảnh & cs. (2018); Trần Cường & Phạm Duy Anh (2021). Chỉ số PCI là chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh của mỗi tỉnh, thành và đánh giá mức độ hấp dẫn đầu tư của môi trường kinh doanh. Sự tăng cao của chỉ số PCI cho thấy một môi trường kinh doanh thúc đẩy, có chính

sách hỗ trợ và quản lý hiệu quả, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp. Sự tương tác giữa chỉ số PCI và vốn đầu tư vào nông nghiệp ở Thái Bình cho thấy sự liên kết mạnh mẽ giữa mức độ cạnh tranh của tỉnh và sự quyết định đầu tư của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Bên cạnh đó biến lao động đã qua đào tạo (Interact_TLB_TB) có ảnh hưởng cùng chiều với thu hút vốn của các doanh nghiệp nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Như vậy lao động có ảnh hưởng lớn tới việc thu hút đầu tư, đặc biệt vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình, nó cũng phù hợp với phân tích của Trần Cường & Phạm Duy Anh (2021). Cùng với đó, diện tích đất nông nghiệp ảnh hưởng lớn đến việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp (Interact_Agr_Land_TB) kết luận này giống với các khẳng định Trần Cường & Phạm Duy Anh (2021) và Nguyễn Thị Cành & cs. (2018). Cùng với đó, các yếu tố Trained_Labour (Lao động được đào tạo), Agri_Land (Diện tích đất nông nghiệp), PCI (điểm chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) đều có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

3.4. Giải pháp tăng cường thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình

Từ kết quả phân tích thực trạng và các yếu

tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp tỉnh Thái Bình cần có các giải pháp để tăng cường thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình như sau:

Một là, tỉnh Thái Bình cần nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị của các cấp chính quyền trong thực hiện mục tiêu thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, duy trì đà tăng điểm và nâng cao thứ hạng của tỉnh Thái Bình trên bảng xếp hạng PCI, đặc biệt là ở các chỉ số thành phần đang có thứ hạng thấp.

Hai là, thu hút đầu tư có trọng điểm, tập trung vào sản phẩm, ngành hàng nông nghiệp có thế mạnh truyền thống và khơi thông các động lực tăng trưởng mới. Đồng thời, cần khai thác quỹ đất ven biển để phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch và bảo vệ môi trường. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi các trang trại thành doanh nghiệp để tổ chức sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp hơn; nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp; nâng cấp cơ quan xúc tiến đầu tư thành cơ quan trực thuộc UBND tỉnh với các chức năng hỗ trợ, kết nối, đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ mới về sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản.

Bảng 4. Kết quả mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên với số liệu dạng bảng (năm 2023)

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	P-value
Hệ số chặn	12,6334	0,7294	< 2,2e-16***
Trained_Labour	0,0002	0,0001	0,042**
Agri_Land	0,0031	0,0008	0,0004***
PCI	0,0121	0,0123	0,041**
PAPI	0,0073	0,0093	0,4364
Interact_TLB_TB	0,002	0,0046	0,0086***
Interact_Agr_Land_TB	0,0537	0,0396	0,0097***
Interact_PCI_TB	0,1311	0,2606	0,0148**
Interact_PAPI_TB	-0,0568	0,2824	0,8404
R-Squared	0,20292		
Chisq	34,113		3,8755 e-05
Số tỉnh	11		
Số chu kỳ	13		

Ba là, tăng cường truyền thông chính sách, hoàn thiện cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ; bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương hàng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; đơn giản thủ tục hành chính để giúp doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận chính sách.

Bốn là, hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai. Đẩy mạnh truyền thông giúp doanh nghiệp và người dân hiểu rõ hơn về quyền lợi khi tích tụ đất. Chính sách hỗ trợ cần cụ thể và minh bạch hơn, hỗ trợ chủ thể đầu tư qua cơ chế ưu đãi về lãi suất, bảo hiểm và đầu tư hạ tầng. Giai đoạn ngắn hạn, cần rà soát quy hoạch đất để đảm bảo phù hợp với tích tụ và chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho đầu tư; quyết định bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai để có mức ưu đãi hợp lý đối với các dự án đầu tư vào nông nghiệp.

Năm là, đào tạo phát triển nguồn nhân lực gắn với doanh nghiệp sử dụng lao động. Cần thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện các chính sách đào tạo nghề, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Hình thức hỗ trợ có thể thông qua cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp tự đào tạo. Khuyến khích đào tạo tại doanh nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo đại học và chương trình phục vụ CMCN 4.0, mở rộng đào tạo về nông nghiệp thông minh và kinh tế số, và khuyến khích tự đào tạo của doanh nghiệp cho nhân viên để đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh hiện đại.

Sáu là, tăng cường huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp để giảm chi phí sản xuất. Xây dựng các cụm công nghiệp chế biến, các cơ sở vườn ươm doanh nghiệp để hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp trong lĩnh vực ưu tiên và yêu cầu đầu tư lớn như chế biến nông sản, cải thiện hệ thống xử lý nước thải và hệ thống kho lạnh, chiếu xạ. Ưu

tiên phát triển các doanh nghiệp thực hiện các dự án nông nghiệp theo mô hình tiên tiến và bền vững như nông nghiệp số, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ và tuần hoàn.

4. KẾT LUẬN

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng phát triển kinh tế xã hội của Thái Bình, chính vì vậy các năm qua tỉnh Thái Bình đã tạo nhiều giải pháp, cơ chế để thu hút đầu tư, đặc biệt từ các doanh nghiệp. Đến năm 2022, đã có trên 130 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả chế biến), doanh thu thuần đạt gần 4 nghìn tỷ đồng, nâng thu nhập của lao động trong các doanh nghiệp đạt bình quân trên 6 triệu đồng/tháng/người, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp của tỉnh còn hạn chế do thiếu cơ chế chính sách đặc thù riêng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chính sách khuyến khích, thúc đẩy đầu tư hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp; mức hỗ trợ của các chính sách cũng còn thấp; các hoạt động xúc tiến đầu tư chưa được tập trung triển khai quyết liệt; thiếu các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung để hỗ trợ khởi nghiệp cho lĩnh vực thế mạnh như chế biến nông sản. Các giải pháp đồng bộ đề xuất cho tăng cường thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình trung vào tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của các bên liên quan về thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đào tạo phát triển nhân lực đến cải thiện môi trường đầu tư và thu hút đầu tư có trọng điểm và các hỗ trợ khác thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ableeva A., Salimova G., Gusmanov R., Lubova T., Efimov O. & Farrahedinova A. (2019). The Role of Agriculture in the Formation of Macroeconomic Indicators of National Economy. Montenegrin Journal of Economics. 15(4): 183-193.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về đầu tư phát triển

- nông nghiệp, nông thôn tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008. Hà Nội.
- Cục Thống kê Thái Bình (2023). Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2023. Thái Bình
- Cục Thống kê Thái Bình (2023). Niên giám thống kê Thái Bình. Nhà xuất bản Thống kê Thái Bình.
- Jenkins D.G. & Quintana A P.F. (2020). A solution to minimum sample size for regressions. PLOS ONE. 15(2): e0229345.
- Kheng V., Sun S. & Anwar S. (2017). Foreign direct investment and human capital in developing countries: a panel data approach. *Economic Change and Restructuring*. 50(4): 341-365.
- Lakens D. (2022). Sample Size Justification. *Collabra: Psychology*. 8(1).
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2023). Báo cáo PCI năm 2022. Hà Nội
- Nguyễn Đình Tài & Nguyễn Văn Hường (2009). Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Thêm cú hích mới? *Tạp chí Tài Chính*. (6): 5.
- Nguyễn Thị Cành, Nguyễn Thanh Liêm & Nguyễn Thị Thùy Liên. (2018). Tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*. 13(2): 15.
- Nguyễn Trần Yên Hạ (2023). Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành nông nghiệp ở vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. 22: 5.
- Nyiwul L. & Koirala N.P. (2022). Role of foreign direct investments in agriculture, forestry and fishing in developing countries. *Future Business Journal*. 8(1): 50.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Bình (2023). *Thông kê về doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Thái Bình*.
- Tổng cục Thống kê (2023). *Niên giám Thống kê năm 2022*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Trần Cường & Phạm Duy Anh (2021). Tác động của hiệu quả quản trị nhà nước đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các quốc gia Đông Nam Á. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 57(5D): 10.
- Van Parys S. & James S. (2010). The effectiveness of tax incentives in attracting investment: panel data evidence from the CFA Franc zone. *International Tax and Public Finance*. 17(4): 400-429.